TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2024/QĐST-DS ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 279, đại lộ Bình Dương, tổ 9, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ liên lạc: Tổ 19, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2024) (có mặt).

- *Các bị đơn:*

1. Ông Hồ Thức H, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1985 (có yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 19, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Chí T và người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Xuân H trình bày:

**** Tại Đơn khởi kiện, ông Nguyễn Chí T trình bày:***

Ông và vợ chồng ông Hồ Thức H, bà Nguyễn Thị Hoài P là chỗ quen biết nhau từ rất lâu. Do cần tiền để làm ăn nên ông H, bà P đã chủ động liên hệ hỏi ông vay tiền. Ông đã đồng ý với lời đề nghị này. Ông đã cho vợ chồng ông H, bà P vay tiền làm 03 lần, tương ứng như sau:

- Lần 1, các bên không lập văn bản cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng lời nói là ông H, bà P đồng ý vay tôi số tiền 3.000.000.000 đồng. Lãi suất là 3%/tháng, được T toán từng tháng. Thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày **30/3/2022** đến ngày 30/6/2022. Ông đã chuyển khoản đủ cho ông H, bà P là 3.000.000.000 đồng vào ngày 30/3/2022. Khi đến hạn trả nợ gốc (ngày 30/6/2022) thì ông H, bà P xin gia hạn trả nợ vì khó khăn tài chính, và tiếp tục đóng lãi cho Ông. Ông H, bà P đã T toán lãi cho ông từ thời gian ngày 30/3/2022 đến ngày 30/01/2023.

- Lần 2, các bên cũng không lập văn bản cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng lời nói là ông H, bà P đồng ý vay tôi số tiền 2.000.000.000 đồng. Lãi suất là 3%/tháng, được T toán từng tháng. Thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày **22/7/2022** đến ngày 22/10/2022. Ông đã chuyển khoản đủ cho ông H, bà P là 2.000.000.000 đồng vào ngày 22/7/2022. Khi đến hạn trả nợ gốc (ngày 22/10/2022) thì ông H, bà P xin gia hạn trả nợ vì khó khăn tài chính, và tiếp tục đóng lãi cho ông. Ông H, bà P đã T toán lãi cho ông từ thời gian ngày 22/7/2022 đến ngày 30/01/2023.

(Kể từ ngày 30/01/2023 đến nay, vợ chồng ông H, bà P không T toán cho ông bất cứ khoản lãi nào, và cũng không T toán 02 khoản tiền nợ gốc của 02 lần vay đầu tiên này cho ông. Chính vợ chồng ông H, bà P đã cam kết với ông rằng chậm nhất đến ngày 30/01/2023 sẽ T toán hết số tiền nợ gốc của 02 khoản vay đầu tiên, nhưng đã không thực hiện).

- Lần 3, ông H, bà P đề nghị vay tiếp ông số tiền 363.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày 20/6/2023. Mặc dù họ chưa T toán 02 khoản nợ trên cho tôi, nhưng vì họ liên tục năn nỉ xin giúp đỡ, vì tình cảm nên ông đồng ý giúp lần cuối. Ông đã giao đủ cho ông H số tiền mặt 363.000.000 đồng này vào ngày 20/5/2023. Ông H có viết giấy xác nhận nợ ông số tiền này. Khi đến hạn trả nợ gốc và lãi (ngày 20/6/2023) thì ông H, bà P không T toán cho ông như đã cam kết.

Ông đã yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc vợ chồng ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P phải có nghĩa vụ liên đới T toán cho ông số tiền nợ gốc tổng cộng là: 3.000.000.000 đồng + 2.000.000.000 đồng + 363.000.000 đồng = 5.363.000.000 đồng.

- Buộc vợ chồng ông Hồ Thức H, bà Nguyễn Thị Hoài P phải liên đới T toán cho ông các khoản lãi sau:

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 30/11/2024) của các khoản vay ngày 30/6/2022 và ngày 22/7/2022 là: 5.000.000.000 đồng x 2,5%/ tháng x 22 tháng = 2.750.000.000 đồng.

+ Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của khoản vay ngày 20/5/2022 là: 363.000.000 đồng x 1.67%/tháng x 01 tháng = 6.062.100 đồng.

+ Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 20/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính ngày 30/11/2024) của khoản vay ngày 20/5/2023 là: 363.000.000 đồng x 2.5%/ tháng x 18 tháng 10 ngày = 169.400.000 đồng.

+ Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả của khoản vay ngày 20/5/2023 (tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính ngày 30/11/2024) là: 6.062.000 đồng x 0.83%/tháng x 17 tháng = 855.348 đồng.

Tổng cộng, cả tiền gốc và các khoản lãi mà ông H, bà P phải liên đới T toán cho ông là: 8.289.317.448 đồng.

**** Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/7/2024, ông Hồ Xuân H (người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí T) trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu mà nguyên đơn đã nêu tại Đơn khởi kiện. Tuy nhiên, trong quá trình vay thì nguyên đơn nhận tiền lãi vay cao hơn mức quy định của pháp luật, nên nguyên đơn đồng ý khấu trừ phần tiền lãi đã nhận vượt quá vào số tiền nợ gốc.

Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn đã yêu cầu các bị đơn trả tổng số tiền 5.000.000.000 đồng tiền nợ gốc (tương ứng các khoản vay ngày 30/3/2022 và ngày 22/7/2022). Nay nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc của 02 khoản vay này là 4.396.405.882 đồng, và yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn với mức 2,5%/tháng (tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm). Nguyên đơn xin tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 603.594.118 đồng của 02 khoản vay này.

Đối với số tiền nợ 363.000.000 đồng được bị đơn Hồ Thức H ký xác nhận nợ vào ngày 20/5/2023: Nguyên đơn thống nhất như bị đơn trình bày trong quá trình tố tụng, cùng xác định đây là tiền chi phí dịch tách thửa, chuyển mục đích giùm cho vợ chồng bị đơn mà nguyên đơn đã bỏ các chi phí liên quan. Nay Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải liên đới T toán 363.000.000 đồng này và tiền lãi phát sinh trên số tiền này tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 10%/năm. Nguyên đơn tự nguyện xin rút các yêu cầu khởi kiện về

các khoản lãi (lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn) của khoản tiền dịch vụ 363.000.000 đồng này.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhằm đảm bảo cho việc thi hành án sau này, vì các bị đơn đã thừa nhận nghĩa vụ có nợ nguyên đơn.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới, vì bà Nguyễn Thị Hoài P đều biết rõ quá trình ông Nguyễn Chí T giao tiền vay cho ông Hồ Thức H nhưng không hề phản đối. Số tiền vay có được thì ông H đã sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt, kinh doanh của gia đình. Số tiền dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích dùng vào việc tách thửa, chuyển mục đích các thửa đất thuộc sở hữu, sử dụng chung của vợ chồng bị đơn. Bà P cũng được hưởng lợi do giá trị thửa đất tăng lên.

Nguyên đơn cũng từ chối mọi thủ tục hòa giải, đối chất, làm việc…, vì các bên không thể thỏa thuận được với nhau bất cứ nội dung gì.

Nguyên đơn cũng xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 15/7/2024. Đề nghị HĐXX xét xử theo quy định.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Hồ Thức H trình bày như sau:

Ông thừa nhận có vay cá nhân ông Nguyễn Chí T tổng số tiền 5.000.000.000 đồng, trong đó: lần 1 là 3.000.000.000 đồng và lần 2 là 2.000.000.000 đồng như Đơn khởi kiện của nguyên đơn đã trình bày. Lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Sau khi vay thì ông T toán đủ tiền lãi cho phía ông T.

Từ tháng 01/2023 đến nay, gia đình ông làm ăn gặp khó khăn, con cái bệnh tật nên không có khả năng trả lãi tiếp cho ông T. Các bên khi vay không ấn định thời gian trả. Khi nào ông xoay được tiền, bán được đất thì trả hết tiền nợ gốc cho ông T.

Việc ông vay tiền của ông T thì vợ ông (bà Nguyễn Thị Hoài P) đều biết. Ông đã dùng các khoản tiền vay này để kinh doanh bất động sản, và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Đối với văn bản ghi ngày 20/5/2023 với số tiền 363.000.000 đồng, ông xác định chữ viết xác nhận trên là của ông. Số tiền này không phải là tiền vay, mà là tổng chi phí chuyển mục đích, tách thửa mà vợ chồng ông đã nhờ ông Nguyễn Chí T làm giúp đối với 02 thửa đất hiện đang bị phong tỏa.

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì ông đã chủ động gặp, giao bản chính 02 sổ đất nêu trên cho ông T giữ để làm tin, thể hiện thiện chí của ông. Số tiền 363.000.000 đồng này vợ ông cũng có biết và không phản đối gì việc ông xác nhận nợ với ông T.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có ý kiến là đồng ý trả 5.000.000.000 đồng tiền nợ gốc, và đồng ý trả 300.000.000 đồng chi phí chuyển mục đích, tách thửa (ông xin bớt 63.000.000 đồng).

Ông xin trả tiền lãi của số tiền vay 5.000.000.000 đồng theo mức lãi của Ngân hàng nhà nước, chứ với mức lãi 2.5%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu là quá cao so với khả năng thực tế của gia đình ông.

Ngoài 02 khoản tiền này thì giữa chúng tôi trước đây đã từng hùn hạp, góp vốn làm ăn với vợ chồng ông rất nhiều lần, nên có sự tin tưởng lẫn nhau. Việc chậm trả gốc, lãi như trên là do khách quan, chứ ông không cố tình chậm trả.

Ông đề nghị Tòa án không buộc vợ ông cùng liên đới trả các khoản nợ cho nguyên đơn, vì trong suốt quá trình vay mượn thì chỉ có ông đứng ra trao đổi, thỏa thuận với nguyên đơn. Vợ ông không thỏa thuận, giao dịch gì với ông T.

**** Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Thức H trình bày:***

Ông vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây trong quá trình tố tụng. Ông có đề nghị HĐXX xem xét khấu trừ tiền lãi vượt quá mà ông đã T toán cho nguyên đơn vào tiền nợ gốc (đối với 02 khoản tiền vay).

02 khoản vay nêu trên tổng cộng là 5.000.000.000 đồng, đều được ông và ông T giao kết bằng lời nói. Giữa ông và ông Nguyễn Chí T có mối quan hệ làm ăn chung từ trước đến nay. Kể từ ngày 30/01/2023 đến nay thì ông mất khả năng trả lãi cho ông T.

Ông cũng đề nghị HĐXX xem xét tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 30/01/2023 đến nay, vì với mức 2,5%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu là quá cao. Hiện gia đình ông gặp nhiều khó khăn trong việc kinh doanh. Ông rất có thiện chí trả nợ cho ông T. Ông đề nghị HĐXX xem xét giảm lãi cho ông. Ông đồng ý trả lãi đối với 02 khoản vay này tính từ ngày 30/01/2023 đến nay, với mức lãi thấp nhất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Đối với số tiền 363.000.000 đồng: Ông xin bớt 63.000.000 đồng tiền chi phí dịch vụ chuyển mục đích, tách thửa. Ông chỉ đồng ý T toán số tiền 300.000.000 đồng, và không đồng ý trả lãi trên số tiền 363.000.000 đồng này.

Ông đề nghị HĐXX không buộc vợ ông (bà Nguyễn Thị Hoài P) cùng liên đới trả các khoản nợ cho phía nguyên đơn.

Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà nguyên đơn yêu cầu thì ông không có ý kiến gì.

Việc nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông thì thì ông không có ý kiến gì.

3. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài P trình bày:

Bà đã nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án. Bà không có thời gian đến Tòa án do bận công việc gia đình, chăm sóc con cái.

Bà hoàn toàn thống nhất như các ý kiến mà chồng (ông Hồ Thức H) đã trình bày trong quá trình tố tụng. Các ý kiến trình bày của ông H cũng chính là ý

kiến của bà. Trường hợp cần thiết thì bà sẽ có văn bản trình bày ý kiến bổ sung và gửi đến Tòa án sau.

Trong suốt quá trình chồng bà vay mượn các khoản tiền từ ông Nguyễn Chí T để kinh doanh bất động sản và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì tôi đều biết. Tuy nhiên, bà không giao kết trực tiếp gì với ông T, mà chỉ có chồng bà đứng ra thực hiện toàn bộ. Do vậy, bà không có liên quan gì đến việc tranh chấp này.

Chồng bà đã nhận của ông T tổng cộng 5.000.000.000 đồng tiền vay. Còn 363.000.000 đồng không phải tiền vay mà là tiền chi phí tách thửa, chuyển mục đích 02 thửa đất mà chồng bà xác nhận còn nợ ông T. Việc chồng bà chưa thể trả nợ gốc, lãi cho nguyên đơn là do khách quan, vì tình hình kinh doanh khó khăn, gia đình thường xuyên có người bị đau ốm.

Đối với 02 thửa đất mà bà đứng tên (hiện bị nguyên đơn yêu cầu Tòa án phong tỏa) thì bà không có ý kiến gì. Chồng bà cũng đã chủ động liên hệ, giao 02 bản chính sổ đất này cho ông Nguyễn Chí T cất giữ làm tin, thể hiện thiện chí muốn hòa giải, xoay xở T toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Nay bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND thành phố Bến Cát cho đến khi có Bản án, quyết định có hiệu lực. Bà cũng xin từ chối thủ tục hòa giải, đối chất, làm việc.

**** Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài P vắng mặt nhưng đã ý kiến trình bày đầy đủ và đã xin xét xử vắng mặt. Do vậy, đề nghị HĐXX giải quyết vắng mặt đối với đương sự này.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới T toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn theo quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét khấu trừ phần tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận từ bị đơn vượt quá quy định pháp luật vào số tiền nợ gốc.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về "tranh chấp hợp đồng dịch vụ", buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới T toán cho nguyên đơn 363.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 10%/năm, tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã tự nguyện rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào lời khai, lời thừa nhận của các bên đương sự, HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

Xét các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P đều cùng có địa chỉ cư trú tại khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về việc vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Hồ Xuân H) và việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài P:

Xét ông Hồ Xuân H và bà Nguyễn Thị Hoài P đều đã có ý kiến trình bày đầy đủ và xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này của ông H, bà P không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H bà P (theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn liên đới trả tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 2,5%/ tháng. Nguyên đơn đồng ý khấu trừ tiền lãi đã nhận vượt quá vào tiền nợ gốc đã nhận. Nguyên đơn cũng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 603.594.118 đồng.

Đối với số tiền 363.000.000 đồng thì nguyên đơn thừa nhận đây là tiền dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích, nên yêu cầu các bị đơn liên đới trả số tiền này cùng lãi phát sinh là 10%/năm tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn cũng xin rút lại các yêu cầu khởi kiện về lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn của khoản tiền dịch vụ này.

Bị đơn ông Hồ Thức H thừa nhận có vay bị đơn tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng, và có nợ nguyên đơn số tiền 363.000.000 đồng là chi phí dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích. Ông H đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000.000 đồng này và lãi phát sinh, nhưng đề nghị xem xét vì mức lãi mà nguyên đơn yêu cầu là cao. Ông H có yêu cầu HĐXX khấu trừ tiền lãi đã T toán vượt quá vào tiền nợ gốc. Đối với số tiền 363.000.000 đồng thì ông H đồng ý trả 300.000.000 đồng, và xin bớt 63.000.000 đồng. Ông H cũng không đồng ý trả lãi trên số tiền chi phí dịch vụ này. Ông H cho rằng vợ ông (bà Nguyễn Thị Hoài P) không giao kết và không có nghĩa vụ đối với các khoản tiền nêu trên, nên đề nghị HĐXX không buộc bà P liên đới với ông H T toán cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài P thừa nhận có biết ông Hồ Thức H vay tiền ông Nguyễn Chí T. Bà P xác định ông H vay tiền nhằm mục đích kinh doanh bất động sản và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bà cũng biết ông H có nợ ông Nguyễn Chí T 363.000.000 đồng tiền chi phí dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích đối với 02 thửa đất mang tên bà. Bà P cho rằng bà không giao kết và không có nghĩa vụ đối với các khoản tiền nêu trên.

HĐXX thấy rằng bị đơn ông Hồ Thức H thừa nhận có vay nguyên đơn tổng cộng 5.000.000.000 đồng, và còn nợ 363.000.000 đồng chi phí dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích, nên đây là tình tiết chứng cứ không phải chứng minh.

Đối với số tiền 5.000.000.000 đồng gồm 02 khoản vay là 3.000.000.000 đồng vay ngày 30/3/2022 và 2.000.000.000 đồng vào ngày 22/7/2022, HĐXX thấy rằng bị đơn ông Hồ Thức H đã T toán cho nguyên đơn với lãi suất 3%/tháng là cao hơn mức tối đa được quy định tại các Điều: 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên HĐXX sẽ được khấu trừ số tiền vượt quá này vào tiền nợ gốc, cụ thể như sau:

* Đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng:

Lãi vay từ ngày 30/3/2022 đến ngày 30/4/2022 là: 3.000.000.000 đồng x 1,67%/tháng = 50.100.000 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 50.100.000 đồng = 39.900.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.960.100.000 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/4/2022 đến ngày 30/5/2022 là: 2.960.100.000 đồng x 1,67%/tháng = 49.433.670 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 49.333.670 đồng = 40.666.330 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.919.433.670 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/5/2022 đến ngày 30/6/2022 là: 2.919.433.670 đồng x 1,67%/tháng = 48.754.542 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 48.754.542 đồng = 41.245.458 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.878.188.212 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/7/2022 là: 2.878.188.212 đồng x 1,67%/tháng = 48.065.743 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 48.065.743 đồng = 41.934.257 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.836.253.955 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/7/2022 đến ngày 30/8/2022 là: 2.836.253.955 đồng x 1,67%/tháng = 47.365.441 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 47.365.441 đồng = 42.634.559 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.793.619.396 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/8/2022 đến ngày 30/9/2022 là: 2.793.619.396 đồng x 1,67%/tháng = 46.653.443 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 46.653.443 đồng = 43.346.557 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.750.272.839 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/10/2022 là: 2.750.272.839 đồng x 1,67%/tháng = 45.929.556 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 45.929.556 đồng = 44.070.444 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.706.202.395 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/10/2022 đến ngày 30/11/2022 là: 2.706.202.395 đồng x 1,67%/tháng = 45.193.579 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 45.193.579 đồng = 44.806.421 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.661.395.974 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/12/2022 là: 2.661.395.974 đồng x 1,67%/tháng = 44.445.312 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 44.445.312 đồng = 45.554.688 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.615.841.286 đồng.

Lãi vay từ ngày 30/12/2022 đến ngày 30/01/2023 là: 2.615.841.286 đồng x 1,67%/tháng = 43.684.549 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 90.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 90.000.000 đồng – 43.684.549 đồng = 46.315.451 đồng. Số tiền nợ gốc còn 2.569.525.835 đồng.

* Đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng:

Lãi vay từ ngày 22/7/2022 đến ngày 22/8/2022 là: 2.000.000.000 đồng x 1,67%/tháng = 33.400.000 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng – 33.400.000 đồng = 26.600.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.973.400.000 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/8/2022 đến ngày 22/9/2022 là: 1.973.400.000 đồng x 1,67%/tháng = 32.955.780 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng – 32.955.780 đồng = 27.044.220 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.946.355.780 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/9/2022 đến ngày 22/10/2022 là: 1.946.355.780 đồng x 1,67%/tháng = 32.504.141 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng – 32.504.141 đồng = 27.495.859 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.918.859.921 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/10/2022 đến ngày 22/11/2022 là: 1.918.859.921 đồng x 1,67%/tháng = 32.044.960 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng – 32.044.960 đồng = 27.955.040 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.890.904.881 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/11/2022 đến ngày 22/12/2022 là: 1.890.904.881 đồng x 1,67%/tháng = 31.578.111 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000

đồng – 31.578.111 đồng = 28.421.889 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.862.482.992 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/11/2022 đến ngày 22/01/2023 là: 1.890.904.881 đồng x 1,67%/tháng = 31.103.465 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 60.000.000 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng – 31.103.465 đồng = 28.896.535 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.833.586.457 đồng.

Lãi vay từ ngày 22/01/2023 đến ngày 30/01/2023 là: 1.890.904.881 đồng x 1,67%/tháng x 08 ngày = 8.420.829 đồng. Thực tế nguyên đơn đã nhận 15.127.239 đồng, nên số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào tiền nợ gốc là: 15.127.239 đồng – 8.420.829 đồng = 6.706.410 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.826.880.047 đồng.

Như vậy, tổng cộng tính đến ngày 30/01/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc của 02 khoản vay là: 2.569.525.835 đồng + 1.826.880.047 đồng = 4.396.405.882 đồng.

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của tổng 02 khoản vay này tính từ ngày 30/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/7/2024) là: 4.396.405.882 đồng x 20%/năm x 150% x 01 năm 05 tháng 15 ngày = 1.923.427.572 đồng.

Tổng tiền nợ gốc và lãi quá hạn của 02 khoản vay là: 4.396.405.882 đồng + 1.923.427.572 đồng = 6.319.833.454 đồng.

Xét bị đơn đã xác nhận nợ tiền chi phí dịch vụ tách thửa, chuyển mục đích là 363.000.000 đồng vào ngày 20/5/2024 nhưng vẫn chưa T toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu trả số tiền này cùng lãi phát sinh là có căn cứ chấp nhận. Lãi chậm T toán của khoản tiền chi phí dịch vụ 363.000.000 đồng tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/7/2024) là: 363.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 01 tháng 25 ngày = 41.845.833 đồng.

[4] Xét cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của TAND thành phố Bến Cát, và hoàn lại số tiền 70.000.000 đồng mà nguyên đơn ông Nguyễn Chí T đã nộp theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 18/6/2024 của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[5] Xét ý kiến của ông H về đề nghị khấu trừ lãi vay vào tiền nợ gốc là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận. Xét ý kiến của ông H về đề nghị giảm 63.000.000 đồng chi phí dịch vụ và không chịu lãi đối với số tiền 363.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Xét ý kiến của ông H về đề nghị xem xét mức lại trên nợ gốc quá hạn chậm T toán là không phù hợp, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài P dù không trực tiếp giao kết gì với ông Nguyễn Chí T, nhưng bà P biết rõ việc ông H vay các khoản tiền nêu trên dùng cho mục đích chi tiêu, kinh doanh chung của gia đình. Bà H cũng biết rõ việc ông Nguyễn Chí T bỏ công sức, chi phí tách thửa, chuyển mục đích 02 thửa

đất cho vợ chồng bà. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn cùng phải có nghĩa vụ liên đới với các khoản tiền vay và tiền chi phí dịch vụ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Xét ý kiến của các bị đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Hoài P không liên quan, bà P không giao kết thỏa thuận gì, nên không có nghĩa vụ liên đới T toán cho nguyên đơn là không phù hợp. Do vậy, HĐXX không chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

[7] Xét trong quá trình tố tụng, nguyên đơn tự nguyện rút một phần các yêu cầu khởi kiện về tiền nợ gốc 603.594.118 đồng (đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản); tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn của khoản tiền dịch vụ 363.000.000 đồng (đối với tranh chấp hợp đồng dịch vụ). Do vậy, HĐXX đình chỉ vụ án đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã tự nguyện rút (theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[8] Xét các ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 244, 227, 228, 229, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 357, 463, 466, 468, 470, 513, 515, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T đối với các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P với số tiền nợ gốc là 603.594.118 đồng (đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T đối với các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P về lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ lãi trong hạn của khoản tiền chi phí dịch vụ 363.000.000 đồng (đối với tranh chấp hợp đồng dịch vụ).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T đối với các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng dịch vụ" như sau:

- Buộc các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P có nghĩa vụ liên đới T toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Chí T 6.319.833.454 đồng (trong đó: 4.396.405.882 đồng là tiền nợ gốc; 1.923.427.572 đồng là tiền lãi trên nợ gốc quá hạn).

- Buộc các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P có nghĩa vụ liên đới T toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Chí T 404.845.833 đồng (trong đó: 363.000.000 đồng là tiền chi phí dịch vụ và 41.845.833 đồng là tiền lãi chậm T toán).

Tổng cộng, các bị đơn ông Hồ Thức H, bà Nguyễn Thị Hoài P phải liên đới T toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Chí T là 6.724.679.287 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chi cục THADS thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Chí T số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003289 ngày 04/6/2024.

- Buộc các bị đơn ông Hồ Thức H và bà Nguyễn Thị Hoài P có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 114.724.679 đồng.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 18/6/2024 của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn ông Nguyễn Chí T được nhận lại số tiền 70.000.000 đồng là tài sản bảo đảm đã nộp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước (theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2024/QĐ-BPBĐ ngày 18/6/2024 của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

7. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/7/2024).

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước;
- UBND phường T;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bến Cát;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành